TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **213** /2023/DS-PT
Ngày: 22/9/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên

Ông Vũ Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa****:* Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 139/2023/TLPT-DS ngày 17/5/2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2023/QĐ-PT ngày 17/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1956;

Địa chỉ: khu phố x, phường Xuân T, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp x, xã Xuân Đ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Đoàn Thị Thế H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp 2, xã Xuân Đ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1948.

Địa chỉ: khu phố x, phường Xuân T, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo*: Anh Hoàng Đức H, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Ấp x, xã Xuân Đ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, anh H, bà H có mặt; ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

- *Theo phía nguyên đơn trình bày:*

Ngày 14/12/2020, giữa bà L với bà Đoàn Thị Thế H và anh Hoàng Đức H thỏa thuận góp vốn để kinh doanh mở đại lý bia nước ngọt, bán các mặt hàng tạp hóa và dùng xe tải để chở hàng thuê. Các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau không lập hợp đồng. Toàn bộ tiền vốn để bỏ ra kinh doanh là do bà L bỏ tiền ra, anh H thì chịu trách nhiệm lái xe tải thuê, bà H sẽ bán hàng tạp hóa, thu tiền và quản lý tiền. Bà L là người quản lý chung. Các bên thoả thuận miệng với nhau tiền lời lãi chia đôi: bà L nhận 50%, còn 50% bà H và anh H. Địa điểm mở đại lý là nhà của bà H và anh H tại ấp x, xã Xuân Đ. Các bên không thoả thuận cụ thể thời điểm các bên kết thúc hợp tác.

Ngày 14/12/2020, bà L và anh Hoàng Đức H đi mua bia của hàng bia Đức Tr, địa chỉ: Tp.Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Bà và anh Hoàng Đức H mua 500 thùng bia Tiger và 100 thùng bia Sài gòn xanh thành tiền là 184.400.000 đồng. Khi mua thì bà L là người thanh toán tiền cho cửa hàng bia Đức Tr. Khi nhận bia thì có H, anh T và M cùng đi nhận hàng. Khi mua hàng thì cửa hàng bia Đức Tr có viết cho bà L 01 hóa đơn bán hàng và giao cho bà hoá đơn màu hồng. Khi nhận hàng thì giao hóa đơn này lại cho cửa hàng bia Đức Tr. Sau khi nhận hàng thì chở bia về nhà bà H tại ấp x, xã Xuân Đ. Hiện nay, số bia này đã bán hết và anh H, bà H không thanh toán tiền lại cho bà. Khi mua bia Tiger là 324.000 đồng/thùng, thỏa thuận với nhau bán lại bán sỉ là 330.000 đồng/thùng và bán lẻ là 335.000 đồng/thùng. Bia Sài gòn xanh khi mua là 224.000 đồng/thùng, thỏa thuận bán lại giá sỉ 230.000 đồng/thùng và giá lẻ là 232.000 đồng/thùng. Sau khi nhận hàng thì anh H và bà H là người bán nên bà L không biết đã bán bao nhiêu thùng bia sỉ và bán bao nhiêu thùng bia lẻ. Hiện nay, anh H và bà H đã bán hết số bia mà bà L đã mua và chưa thanh toán tiền lại cho bà L nên bà L yêu cầu anh H và bà H phải trả lại cho bà L và chồng là ông Lê Quang Đ số tiền bà L đã bỏ ra là 184.400.000 đồng.

Đối với việc anh H cho rằng đã giao tiền cho bà L 04 đợt là 63.000.000 đồng và 300.000.000 đồng tiền góp vốn thì bà L xác định là không nhận từ anh H số tiền này. Đồng thời, anh H khai ngày 13/12/2020, anh H giao 185.000.000 đồng cho bà L để mua bia thì bà L không thừa nhận.

Tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H phải thanh toán tiền mà chỉ yêu cầu anh Hoàng Đức H trả cho bà L và ông Lê Quang Đ 184.400.000 đồng.

- *Theo bị đơn anh Hoàng Đức H trình bày:*

Vào tháng 12/2020, anh và bà Hoàng Thị L có thoả thuận góp vốn để kinh doanh nước ngọt, bia các loại và các mặt hàng sau kinh doanh. Khi thoả thuận

thì các bên chỉ thoả thuận miệng với nhau. Các bên không xác định được chính xác số vốn đã bỏ ra nên bà Hoàng Thị L chủ yếu góp vốn bằng xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 60C-569.28, bên anh là bia và tạp hoá các loại trị giá 300.000.000 đồng, anh giao tiền cho bà L 02 lần. Đến ngày 30/12/2020 (âm lịch) thì anh đã gửi cho bà L 04 đợt tiền là 63.000.000 đồng để trả tiền xe cho bà L không nhớ số tiền giao từng lần cụ thể. Đồng thời, anh xác định ngày 14/12/2020 anh cùng bà L đến cửa hàng bia Đức Tr để mua bia gồm 500 thùng bia tiger và 100 thùng bia Saigon với số tiền là 184.400.000 đồng, bà L là người trả tiền cho cửa hàng bia Đức Tr, anh là người giữ hoá đơn màu hồng cửa hàng bia Đức Tr giao cho. Ngày 19/12/2020, anh cùng anh Lê Quang Mẫn, anh Hoàng Đức T đến cửa hàng bia Đức Tr nhận toàn bộ số bia về anh đã bán hết và không thanh toán tiền lại cho bà L. Anh không đồng ý trả lại cho bà L số tiền 184.400.000 đồng mua bia là tiền anh giao cho bà L để thanh toán tiền bia vào ngày 13/12/2020 là 185.000.000 đồng, khi giao tiền cho bà L thì không lập giấy tờ và cũng không ai chứng kiến. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh không đồng ý toàn bộ vì số tiền 184.400.000 đồng là tiền của anh giao cho bà L để thanh toán tiền bia chứ không phải tiền của bà L như bà L đã trình bày.

- Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thế H trình bày:

Bà chỉ biết Hoàng Đức H và bà Hoàng Thị L có thoả thuận làm ăn chung chứ không biết cụ thể việc thoả thuận của các bên như thế nào. Bà chỉ ở nhà bán hàng không tham gia vào quá trình góp vốn giữa các bên, không có thoả thuận góp vốn gì với bà L. Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà không chấp nhận.

- Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang Đ trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị L bỏ tiền góp vốn cùng Hoàng Đức H mở đại lý bia, nước ngọt. Ông xác định số tiền bà L góp vốn với Hoàng Đức H là tài sản chung của vợ chồng nên ông thống nhất với bà L buộc anh Hoàng Đức H và bà Đoàn Thị Thế H phải trả cho ông và bà Hoàng Thị L số tiền 184.400.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 504, 507, 510 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Buộc anh Hoàng Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị L và ông Lê Quang Đ số tiền 184.400.000 (Một trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/4/2023, bị đơn anh Hoàng Đức H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ do cho rằng cấp sơ thẩm đánh giá và sử dụng chứng cứ thiếu khách quan, chưa toàn diện; bản án vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bên thấy đã có căn cứ xác định anh H đã nhận đủ số bia là 600 thùng với giá tiền 184.000.000đ. Bà L là người thanh toán số tiền này trước khi anh H đến nhận bia về để bán. Việc anh H cho rằng đã đưa đủ cho bà L số tiền mua bia 184.000.000 đồng nhưng không có tài liệu nào để chứng minh cho việc này nên không có cơ sở để xem xét.

Ngoài ra, Tòa sơ thẩm đã đưa bà Lâm Ngọc Bích Triệu - chủ đại lý Đức Tr với tư cách người làm chứng là đúng quy định. Bị đơn anh H kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm không đưa chủ đại lý Đức Tr tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn anh Hoàng Đức H phải trả lại số tiền 184.000.000 đồng là có căn cứ, đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Đức H làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông Lê Quang Đ có đơn xin vắng mặt phiên xét xử phúc thẩm hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

- Về việc đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm: Quá trình làm việc, ngoài lời khai của các bên, phía nguyên đơn bà L cung cấp chứng cứ là hóa đơn bán hàng (màu hồng) thể hiện nội dung ngày 14/12/2020 bà L mua bia của cửa hàng Đức Tr với số tiền 184.400.000 đồng, phía bà Bích Triệu (chủ của hàng) xác nhận bà L là người đã thanh toán đủ số tiền 184.400.000 đồng, bị đơn anh H thừa nhận anh đã nhận số bia nói trên và đã bán hết số bia này, toàn bộ số tiền bán bia anh đang giữ. Anh H cho rằng số tiền bà L đi mua bia là do anh đưa cho bà L, tuy nhiên việc đưa tiền này không có người làm chứng cũng như không có giấy tờ chứng minh. Như vậy, việc cấp sơ thẩm xác định người mua bia và trả tiền bia là bà L là có cơ sở. Kháng cáo của anh H cho rằng anh là người bỏ tiền ra mua bia không có căn cứ để xem xét.

- Về việc vi phạm thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án: Tại đơn khởi kiện đầu tiên ngày 22/6/2021, bà L yêu cầu bị đơn ông H và người liên quan bà H trả cho bà 15 mặt bàn tròn, 11 chân bàn, 05 cái bạt, 40 bếp gas mini, 05 quạt treo tường, 01 tủ lạnh, 01 máy hàn, máy cắt cùng toàn bộ bia, nước ngọt cùng các hàng hóa nhu yếu phẩm giá trị tổng là 317.000.000 đồng.

Ngày 28/3/2022, bà L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà L chỉ yêu cầu ông H và bà H trả cho bà số tiền bà đã bỏ ra mua hàng hóa như: bia, nước ngọt cùng các hàng hóa nhu yếu phẩm về bán tại đại lý L H, giá trị tổng là 328.195.000 đồng.

Ngày 02/12/2022, bà L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà L chỉ yêu cầu ông H và bà H trả cho bà số tiền bà đã bỏ ra mua 500 thùng bia Tiger và 100 thùng bia Sài gòn xanh, giá trị tổng là 184.400.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định bà chỉ yêu cầu cá nhân ông H là người phải trả tiền cho bà, bà không có yêu cầu gì đối với bà H.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực đúng quy định về tiếp nhận đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cũng như thực hiện đúng trình tự, thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện sửa đổi. Việc anh H cho rằng thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của cấp sơ thẩm không đúng quy định nhưng không đưa ra được chứng cứ gì nên Tòa không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Việc bị đơn cho rằng cần đưa chủ cửa hàng bia Đức Tr (bà Lâm Ngọc Bích T2) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ để xem xét do sự việc tranh chấp trong vụ án này không có liên quan đến quyền lợi hay nghĩa vụ của cửa hàng bia Đức Tr, bản thân bà Bích T2 khi làm việc với Tòa án cũng không đề nghị hay yêu cầu gì. Việc cấp sơ thẩm xác định cửa hàng bia Đức Tr là người làm chứng là đúng quy định.

[4] Từ những nhận định trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ, dựa trên những chứng cứ có trong hồ sơ, thủ tục trình tự giải quyết vụ án đúng quy định, đảm bảo đầy đủ cho quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Đức H là không có

căn cứ để xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Hoàng Đức H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Hoàng Đức H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L đối với anh Hoàng Đức H về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn".

Buộc anh Hoàng Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị L và ông Lê Quang Đ số tiền 184.400.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Đức H phải chịu 9.220.000 (Chín triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hoàng Đức H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp tại Biên lai số 0001961 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Anh H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Thanh Phượng